

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 18/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và ông Nguyễn Đình Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2021/TLST - HS, ngày 30/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST - HS ngày 08/11/2021. Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2021/HSST-QĐ, ngày 23/12/2021, đối với bị cáo:

- **Trần Văn D**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Y, xã A, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn D và con bà Nguyễn Thị H; có vợ: Đỗ Thị T; có 03 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2021 đến ngày 03/11/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại ở địa phương (có mặt).

* Bị hại: Anh Lê Duy K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện Đ tỉnh T (vắng mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lưu Văn H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khu V, phường V, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

- Anh Đinh Văn M, sinh năm 1983 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị D, sinh 1990 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B.

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Y, xã A, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26/7/2021, Trần Văn D thuê phòng 206 nhà trọ Vip Minh Thu thuộc địa phận thôn N, xã T, huyện T, tỉnh B để nghỉ. Sau đó D gọi điện thoại cho anh Lê Duy K, sinh năm 1992 ở thôn Hòa Bình, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, hiện đang ở khu V, phường V, thành phố B đi xe ô tô lên nhà trọ Vip Minh Thu để đón D đi vay tiền (anh K làm nghề lái xe taxi và có quen biết với D từ trước). Anh K đồng ý và điều khiển xe ô tô, nhãn hiệu HuynDai, loại Accent, màu trắng, BKS: 99A-346.70 là xe ô tô của ông Lưu Văn H, sinh năm 1967; trú tại: Khu V, phường V, thành phố B, tỉnh B (ông H là bố vợ của anh K và có giao cho anh K sử dụng chiếc xe trên để làm dịch vụ Taxi). Khi đến nhà trọ, anh K đi lên phòng 206 gặp D. Tại đây, D có bảo anh K cho D mượn xe ô tô một lúc để đi lấy tiền rồi sẽ quay về trả xe luôn. Do có sự quen biết từ trước và tin tưởng D nên anh K đồng ý và đưa chìa khóa xe cho D mượn. Sau đó, D một mình điều khiển xe đi vay tiền, còn anh K ở lại phòng 206 đợi D. D đi gặp một số người quen để vay tiền nhưng tất cả đều không có nhà nên không vay được tiền. Vì vậy, D đã nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô mượn được của anh K đi cầm cố để vay tiền. Do D biết anh Đinh Văn M, sinh năm 1983; trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B có làm dịch vụ cầm đồ nên D đã đi xe đến nhà anh M để cầm cố chiếc xe. Nhưng khi gặp anh M, D mới biết hiện tại anh M không còn làm dịch vụ cầm đồ nữa mà chỉ làm dịch vụ sửa chữa xe ô tô. Thấy vậy, D có nói với anh M là “Em vừa bị va chạm giao thông cần tiền để xử lý gấp, anh cho em mượn 20.000.000 đồng, em sẽ để lại chiếc xe này để làm tin” và hứa hẹn đến chiều cùng ngày sẽ đến trả tiền và lấy lại xe ô tô về. Nghe D nói vậy, anh M đồng ý và bảo vợ là chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 lấy 20.000.000 đồng đưa cho D vay. D cầm tiền và nhờ anh M chuyển tiền qua tài khoản giúp D 2.000.000 đồng để trả nợ cho một người tên là Nguyễn Minh Nghĩa ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có số tài khoản 0040113989008 thuộc Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Lúc này, tài khoản ngân hàng của anh M đang bị lỗi nên anh M có bảo chị D chuyển tiền giúp D. Chị D sử dụng tài khoản số 2607205287446 của chị chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản trên. Sau khi chị D chuyển được tiền thì D có đưa lại cho chị D 2.000.000 đồng. Do không có xe đi về nên Duẩn có nhờ anh M gọi Taxi giúp D để đi về nhà trọ Vip Minh Thu. Trên đường đi, D có dùng điện thoại nhãn hiệu SamSung J7 lắp sim rác nên D không nhớ số cụ thể, gọi điện thoại cho anh M hỏi vay thêm 1.000.000 triệu đồng nữa và nhờ anh M chuyển tiền vào số tài khoản trước đó D đã nhờ chị D chuyển tiền để trả nợ. Anh M đồng ý và chuyển hộ cho D số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 18.000.000 đồng sau đó D đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 12 giờ ngày 26/7/2021, Duẩn đi về phòng 206 nhà trọ Vip Minh Thu để nghỉ ngơi. Khi thấy D về, anh K có hỏi xe ô tô đâu thì D bảo để bên nhà ông anh, một lúc nữa sẽ đi lấy về trả. Đến chiều ngày 26/7/2021, anh M không thấy D đến lấy xe và trả tiền nên anh

M đã nhiều lần gọi điện thoại và nhắn tin qua Zalo giục Duẩn đến lấy xe ô tô về và trả tiền cho anh M nhưng do không có tiền để trả nên D không đến lấy. Còn anh K trong các ngày 27 và 28 tháng 7 năm 2021 cũng đã nhiều lần gọi điện thoại và nhắn tin qua Zalo bảo D đi lấy xe ô tô về trả cho anh nhưng D cũng không lấy xe về để trả cho anh K. Vì vậy, ngày 28/7/2021 anh K đã có đơn trình báo gửi Công an huyện T về vụ việc trên.

Ngày 30/7/2021, sau khi biết được chiếc xe ô tô, nhãn hiệu HuynDai, loại Accent, màu trắng, BKS: 99A-346.70 là do Trần Văn Duẩn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt mà có nên anh Đinh Văn Mạnh đã tự giác giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T để phục vụ công tác điều tra.

Cùng ngày 30/7/2021, Trần Văn D biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của bản thân nên đã đến Công an huyện T xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 30/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Yêu cầu định giá tài sản số 118/YCĐG, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, định giá chiếc xe ô tô, nhãn hiệu HuynDai, loại Accent, màu trắng, BKS: 99A - 346.70.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 31/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô, nhãn hiệu HuynDai, loại Accent, màu trắng, BKS: 99A-346.70, chạy được 80.000 km, mua mới từ tháng 01/2020 tại thời điểm ngày 26/7/2021 có giá trị là: **450.000.000** đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành, qua đấu tranh bị can Trần Văn Duẩn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 113/CT - VKS ngày 29/11/2021 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/07/2021 đến ngày 03/11/2021.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Do Cơ quan CSĐT đã trả tài sản cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Bị cáo nhất trí với Luận tội của Đại diện VKS không có ý kiến gì.
Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người bị hại là anh Lê Duy K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn H, anh Đinh Văn M, chị Nguyễn Thị D và ông Trần Văn D đều vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng anh K, ông H, anh M, chị D và ông D đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh K, ông H, anh M, chị D và ông D không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K, ông H, anh M, chị D và ông D là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước, sáng ngày 26/7/2021 tại phòng 206 nhà trọ Vip Minh Thụ thuộc địa phận thôn N, xã T, huyện T, tỉnh B, Trần Văn D đã có hành vi mượn của anh Lê Duy K 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Accent màu trắng, BKS: 99A-346.70 là xe của ông Lưu Văn H (ông H là bố vợ của anh K và có giao cho anh K sử dụng chiếc xe trên để làm dịch vụ Taxi). Do tin tưởng D nên anh K đã đồng ý cho D mượn xe ô tô. Sau khi mượn được xe, D đã điều khiển chiếc xe trên đến cửa hàng sửa chữa xe ô tô của anh Đinh Văn M ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B để cầm cố. Tại đây, D có nói với anh M là “Em vừa bị va chạm giao thông cần tiền để xử lý gấp, anh cho em mượn 20.000.000 đồng, em sẽ để lại chiếc xe này để làm tin” và hứa hẹn đến chiều cùng ngày sẽ đến trả tiền và lấy xe ô tô về. Trên đường đi về, D còn gọi điện thoại hỏi vay tiếp anh M số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền vay được, D đã nhờ vợ chồng anh Mạnh chuyển khoản hộ số tiền 3.000.000 đồng đến số tài khoản 0040113989008 của một người tên là Nguyễn Minh Nghĩa ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để trả nợ. Số tiền 18.000.000 đồng còn lại, D đã tiêu xài cá nhân hết. Chiếc xe ô tô trên theo Kết luận định giá tài sản có giá trị là 450.000.000 đồng. Hiện chiếc xe đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Xét hành vi trên của bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã

phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà Cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương, mất niềm tin, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Do bị cáo không có tiền án, tiền sự nên bị cáo được xác định là người có nhân thân tốt.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; xét thấy, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật, nhưng để có tiền tiêu sài cá nhân mà bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Sau khi vụ án bị phát hiện biết không thể trốn tránh được pháp luật bị cáo đã ra đầu thú; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo có bố để được tặng Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương hội làm vườn Việt Nam, Bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh B, Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện T; bị cáo có tham gia nghĩa vụ Quân sự đóng quân tại Đại đội 1, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 18, Sư đoàn 325, Quân đoàn 2, Quân đội nhân dân Việt Nam, thời gian từ 02/10/2006 đến 31/1/2008 và trong thời gian tại ngoại bị cáo đã có thành tích ủng hộ phòng chống dịch Covid19 đã được UBND xã A xác nhận. Xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên HĐXX quyết định cho bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với anh Đinh Văn M và chị Nguyễn Thị D cho bị cáo vay số tiền 21.000.000 đồng và đặt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại Accent, màu trắng, BKS: 99A - 346.70 mà bị cáo chiếm đoạt của anh Kiên làm tin. Tuy nhiên, anh M

chị D không biết chiếc xe đó là do D phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý đối với anh M chị D là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với người đàn ông tên Nguyễn Minh Nghĩa ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, người được D nhờ vợ chồng anh Mạnh chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng để trả nợ. Do Duẩn không nhớ địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xác minh làm rõ là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tài khoản 0040113989008 D nhờ vợ chồng anh M chuyển số tiền vào để trả nợ. Quá trình điều tra xác định số tài khoản trên là của chị Đỗ Thị Ly, sinh ngày 15/7/1994, trú tại Khu 2, xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ nay có địa chỉ là Khu 1, xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại chị Lý không có mặt tại nơi cư trú. Qua xác minh tại Công an xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê được biết chị Lý hiện đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T chưa tiến hành làm việc được với chị Lý nên HĐXX không cơ sở để xem xét.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung J7 Trần Văn Duẩn dùng để liên lạc với anh Kiên và anh Mạnh trong việc mượn xe ô tô và vay tiền, sau đó Duẩn đã đem bán chiếc điện thoại trên cho một cửa hàng điện thoại ở thành phố Hà Nội. Do Duẩn không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cụ thể cửa hàng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành không có căn cứ để thu hồi chiếc điện thoại trên nên HĐXX không cơ sở để xem xét.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với số tiền 21.000.000 đồng ông Trần Văn Dế là bố đẻ của bị cáo đã trả anh Đinh Văn Mạnh và chị Nguyễn Thị Dương và ông Dế không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với anh Lê Duy Kiên và ông Lưu Văn Hùng đã nhận lại được chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Accent, màu trắng, BKS: 99A - 346.70 và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với tiền 21.000.000 đồng ông Trần Văn Dế đã trả cho anh Đinh Văn Mạnh và chị Nguyễn Thị Dương thay bị cáo. Sau khi nhận lại số tiền trên anh Mạnh chị Dương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Do Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành đã trả tài sản cho bị hại nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2021 đến ngày 03/11/2021.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Trần Văn Duẩn phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà